

**CÔNG TY CỔ PHẦN HDAHOMES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HDAHOMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HDAHOMES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110138152

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 5, Ngách 39, Ngõ 190, Đường Hoàng Mai, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976782106

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Xuất khẩu, nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở:<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở<br>- Kinh doanh bất động sản khác | 6810(Chính) |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                         | 6820        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                            | 7020        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7110        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |

|     |                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                      | 8110 |
| 14. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                        | 8121 |
| 15. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                            | 8129 |
| 16. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                        | 8130 |
| 17. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                        | 8211 |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 19. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                            | 3600 |
| 20. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                | 3700 |
| 21. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                     | 3821 |
| 22. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                            | 3900 |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                            | 4101 |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                      | 4102 |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                | 4211 |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                 | 4212 |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                     | 4221 |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                          | 4222 |
| 29. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                           | 4223 |
| 30. | Xây dựng công trình công ích khác                                                            | 4229 |
| 31. | Xây dựng công trình thủy                                                                     | 4291 |
| 32. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                              | 4292 |
| 33. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                        | 4293 |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                   | 4299 |
| 35. | Phá dỡ<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                        | 4311 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                             | 4312 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                        | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 30.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần  | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHAN CÔNG<br>TRÍ   | Tổ 55, Phường<br>Tương Mai, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.500.0<br>00  | 15.000.000.000           | 5,000        | 0010800102<br>36                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 1.500.0<br>00  | 15.000.000.000           | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÝ THỊ HÀ<br>THANH | Thôn Dục Nội,<br>Xã Việt Hùng,<br>Huyện Đông Anh,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.500.<br>000 | 255.000.000.00<br>0      | 85,000       | 0011710418<br>05                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 25.500.<br>000 | 255.000.000.00<br>0      | 85,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | CHU THỊ CHI | 73 Nguyễn Ngọc Vũ, Tổ 2, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 10,000 | 033182004048 |
|   |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                      | Tổng số                   | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 10,000 |              |
|   |             |                                                                                      |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẬU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177012331

Ngày cấp: 14/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P212 B18 T/T Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P212 B18 T/T Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội